

ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

BÀI GIẢNG MÔN

PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Giảng viên:

TS. Đinh Xuân Cường

Điện thoại/E-mail:

cuongdx@vnu.edu.vn

Bộ môn:

Ngân hàng

Năm biên soạn:

2012

BÀI GIẢNG MÔN PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

PHẦN GIỚI THIỆU

I. TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

II. PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

III. QUY PHẠM PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH

IV. QUAN HỆ PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH

TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

- Bản chất của tài chính: tính tất yếu & bản chất
- Chức năng của tài chính : phân phối vs. giám đốc
- Hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường tại VN: Ngân sách nhà nước, Tổ chức tín dụng, Bảo hiểm, Tài chính doanh nghiệp...

2. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Hoạt động tài chính của Nhà nước
- Hoạt động tài chính của các chủ thể khác

PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH PHÁP LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
2. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH
3. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH
4. HỆ THỐNG VÀ NGUỒN CỦA LUẬT

QUY PHẠM PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ ĐẶC ĐIỂM QPPLTC

2. PHÂN NHÓM QPPLTC



QUAN HỆ PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH

1. ĐỊNH NGHĨA

2. CƠ CẤU

- Chủ thể : nhà nước, pháp nhân, thể nhân
- Khách thể
- Nội dung của QHPLTC

BÀI GIẢNG MÔN PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

PHẦN I - PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Chương I. Tổng quan về TCDN và PLTCDN

Chương II. Pháp luật về tạo lập, quản lý, sử dụng vốn và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp

Chương III. Pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp

Chương IV. Xây dựng quy chế tài chính, kiểm soát và kiểm toán nội bộ, chế tài xử lý vi phạm chế độ tài chính doanh nghiệp

BÀI GIẢNG MÔN PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

PHẦN II - PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG

Chương V. Khái quát chung về ngân hàng, hoạt động ngân hàng và PLN

Chương VI. Pháp luật về tổ chức hoạt động của NHTW

Chương VII. Pháp luật về tổ chức hoạt động của các TCTD

Chương VIII. Pháp luật về hoạt động đầu tư, mua bán sáp nhập của các NHTM

Chương IX. Pháp luật về hoạt động tín dụng của các NHTM

BÀI GIẢNG MÔN
PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

PHẦN I
PHÁP LUẬT VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Chương I

Tổng quan về TCDN và PLTCDN

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP.

1. Giai đoạn từ 1986 đến 1999:

- Công ty: TNHH, CP (Luật công ty 1990; sửa đổi bổ sung 1994)
- DNTN: Luật DNTN 1990, sđ, bs 1994
- DNNN: Luật DNNN 1995
- HTX: Luật HTX 1996
- Doanh nghiệp có vốn ĐTNN: DN Liên doanh, DN 100% vốn ĐTNN (Luật ĐTNN 1987, 1996)
- Doanh nghiệp của các tổ chức CTXH

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

2. Giai đoạn từ 2000 đến 6/2006:

- Luật doanh nghiệp 1999: Công ty (TNHH, CP, Hợp danh); DNTN
- Luật ĐTNN tại Việt Nam 1996; sđ, bs 2000: Doanh nghiệp liên doanh, DN 100% vốn ĐTNN
- Luật doanh nghiệp nhà nước 2003: DNNN
- Luật HTX 2003: HTX

3. Giai đoạn từ 1/7/2006 đến nay:

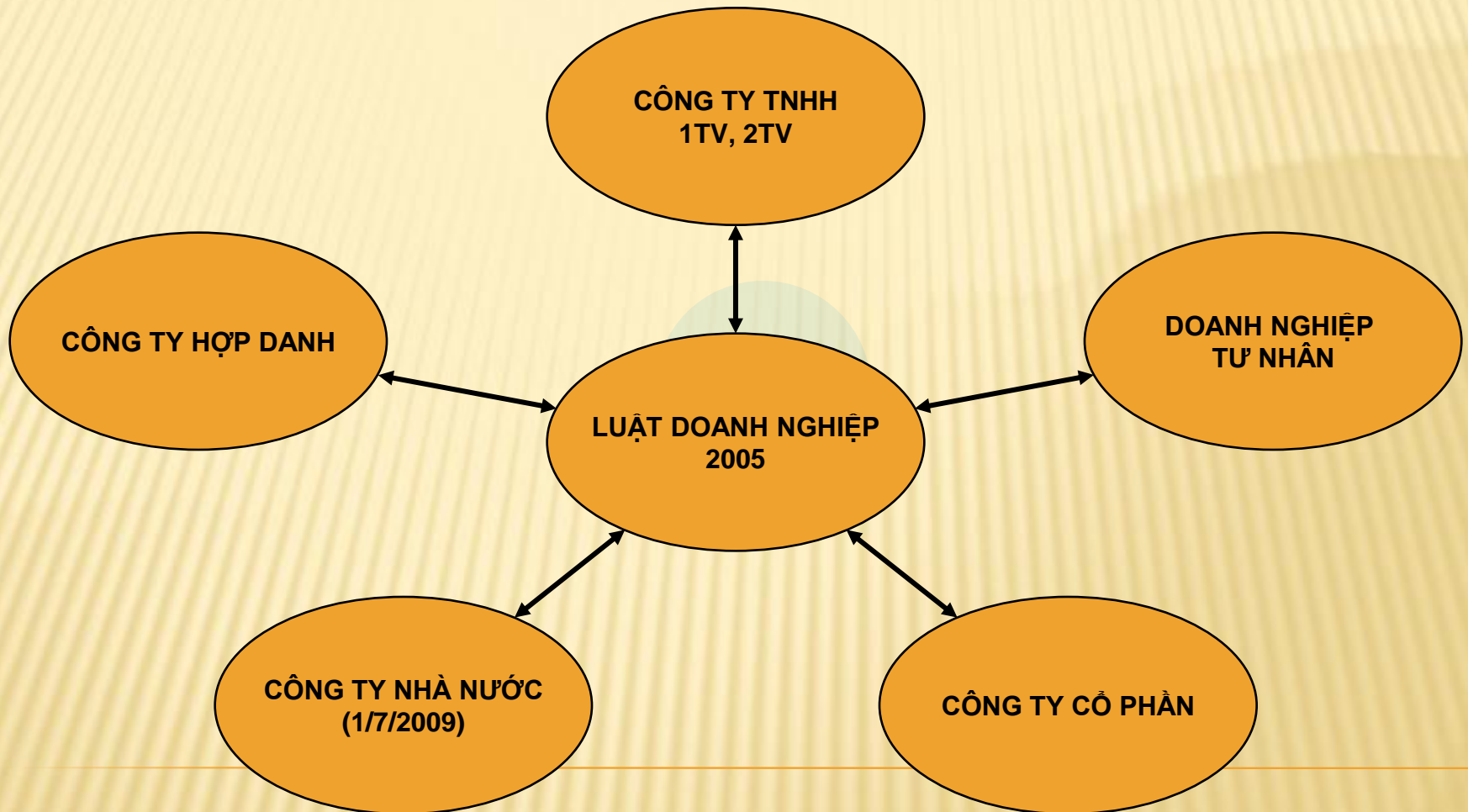
- Luật doanh nghiệp 2005: Công ty; DNTN, DNNN (từ 1/7/2009)
- Luật Đầu tư 2005: hoạt động đầu tư, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư, khuyến khích và ưu đãi đầu tư, đầu tư ra nước ngoài...
- Luật HTX 2003: HTX

II. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

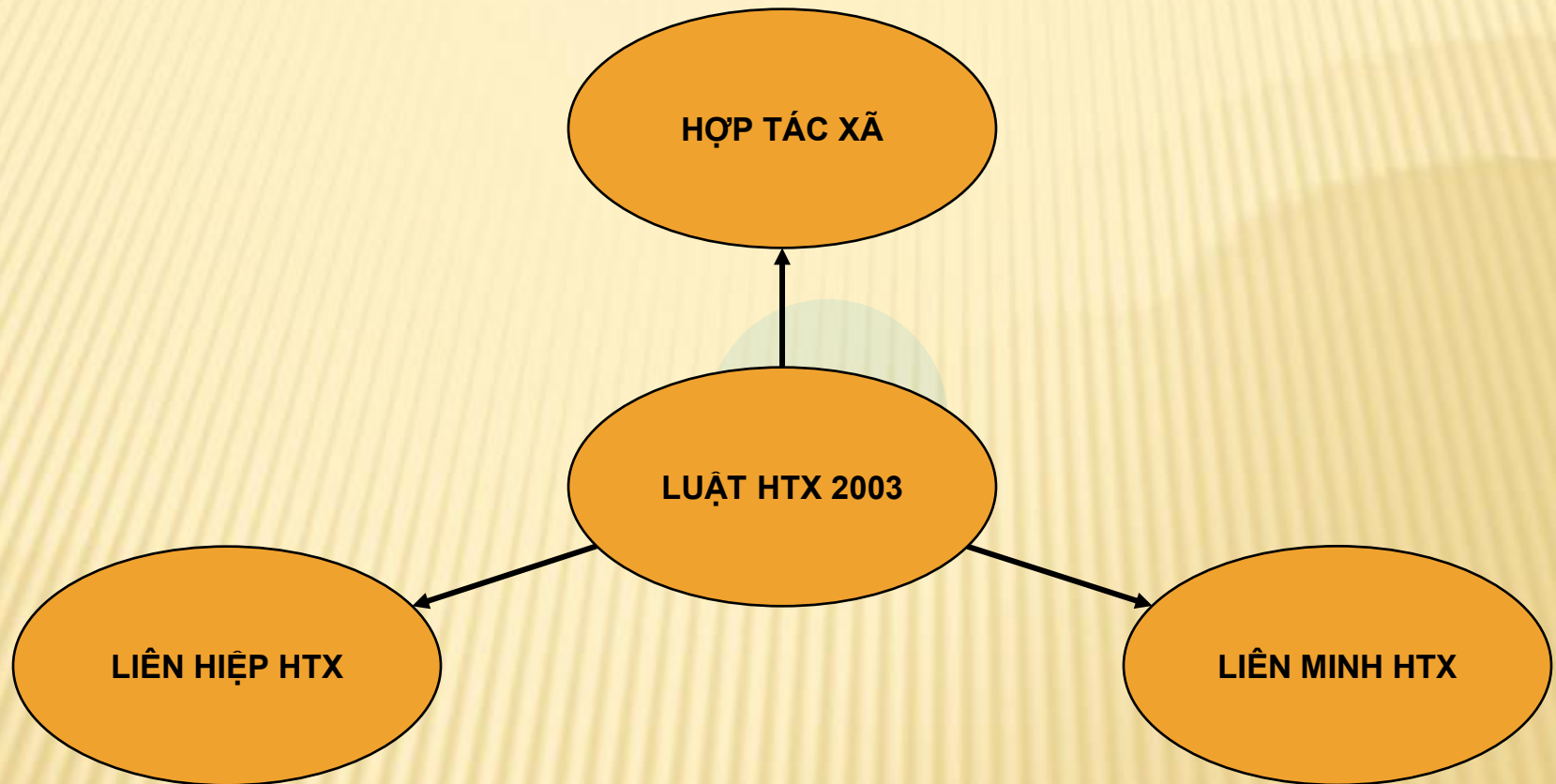
- *Doanh nghiệp* là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, đã- ợc đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu t- , từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị tr- ờng nhằm mục đích sinh lợi.

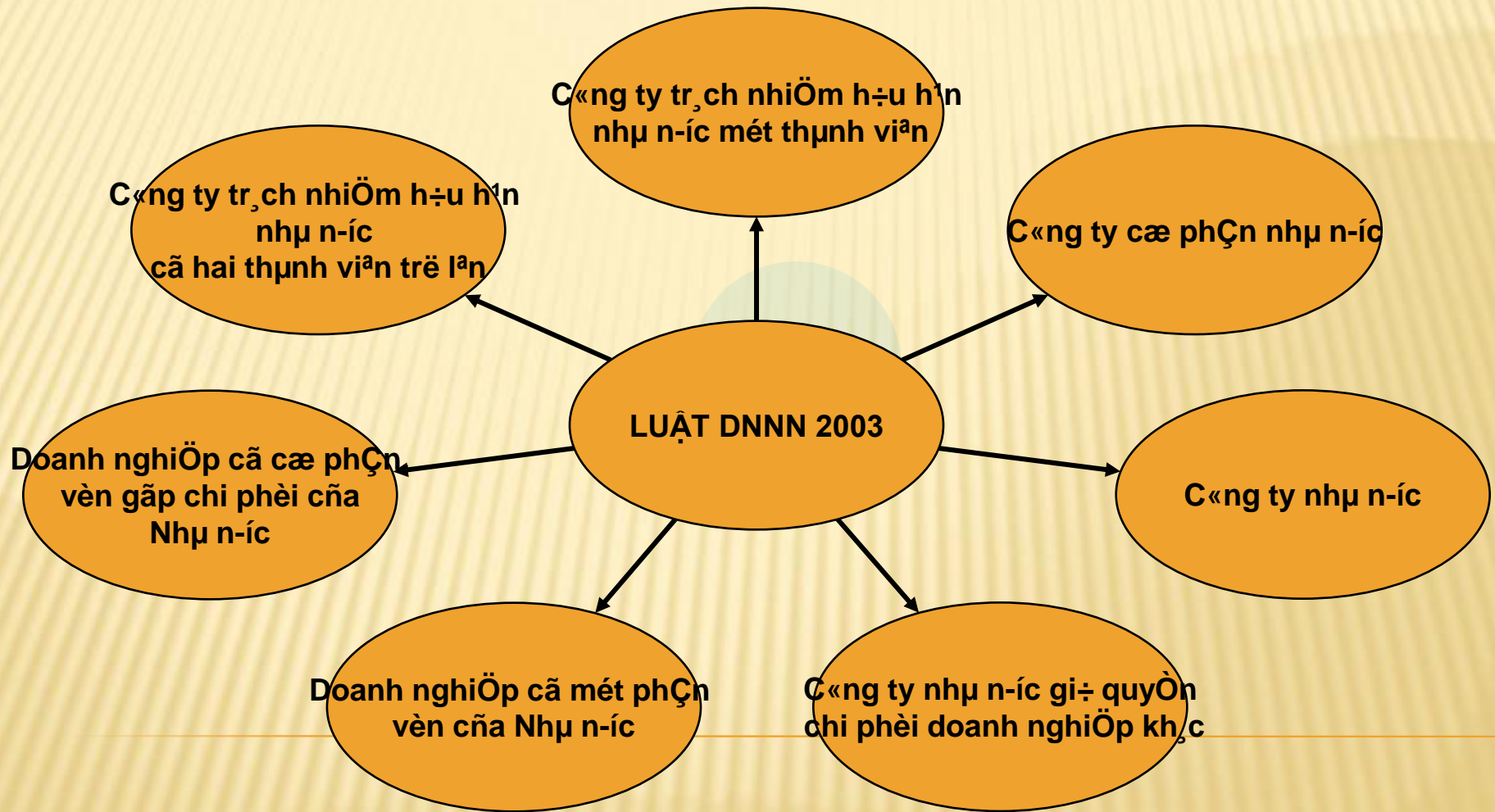
PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP



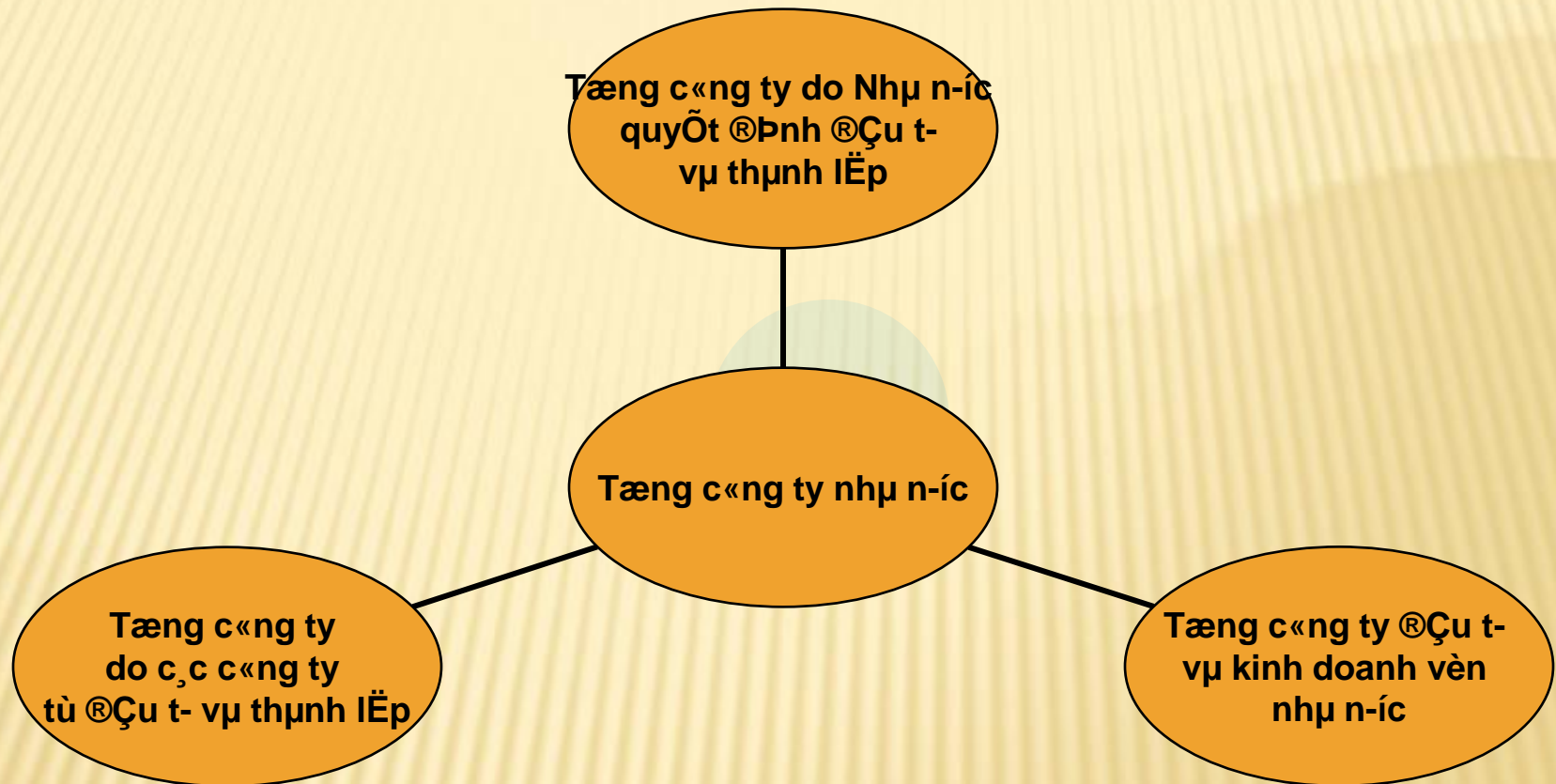
PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP



PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP



PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP



III. THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1. Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
- b) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
- d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

- đ) Ng- ời ch- a thành niên; ng- ời bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- e) Ng- ời đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- g) Các tr- ờng hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

Quyền góp vốn, mua cổ phần:

Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật doanh nghiệp, trừ tr- ờng hợp sau đây không đ- ợc mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật doanh nghiệp 2005:

- a) Cơ quan nhà n- ớc, đơn vị lực l- ợng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà n- ớc góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
- b) Các đối t- ợng không đ- ợc góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

2. Danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh

- a) Kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng;
- b) Kinh doanh chất ma túy các loại;
- c) Kinh doanh hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế);
- d) Kinh doanh các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách;
- đ) Kinh doanh các loại pháo;
- e) Kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội;
- g) Kinh doanh các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng;

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

- h) Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em;**
- i) Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc d- ới mọi hình thức;**
- k) Kinh doanh dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà n- ớc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân;**
- l) Kinh doanh dịch vụ môi giới kết hôn có yếu tố n- ớc ngoài;**
- m) Kinh doanh dịch vụ môi giới nhận cha, mẹ, con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố n- ớc ngoài;**
- n) Kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi tr- ờng;**
- o) Kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hoá và thiết bị cấm l- u hành, cấm sử dụng hoặc ch- a đ- ợc phép l- u hành và/hoặc sử dụng tại Việt Nam;**
- p) Các ngành, nghề cấm kinh doanh khác đ- ợc quy định tại các luật, pháp lệnh và nghị định chuyên ngành.**

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

3. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh được quy định theo các quy định của các luật, pháp lệnh, nghị định chuyên ngành hoặc quy định của cơ quan của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là pháp luật chuyên ngành).

Điều kiện kinh doanh được chia thành hai loại:

- a) Giấy phép kinh doanh;
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;
- c) Chứng chỉ hành nghề;
- d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- đ) Xác nhận vốn pháp định;
- e) Chấp thuận khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- g) Các yêu cầu khác mà doanh nghiệp phải thực hiện hoặc phải có mới được quyền kinh doanh ngành, nghề đó mà không cần xác nhận, chấp thuận dưới bất kỳ hình thức nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

4. Các vấn đề khác có liên quan đến ĐKKD:



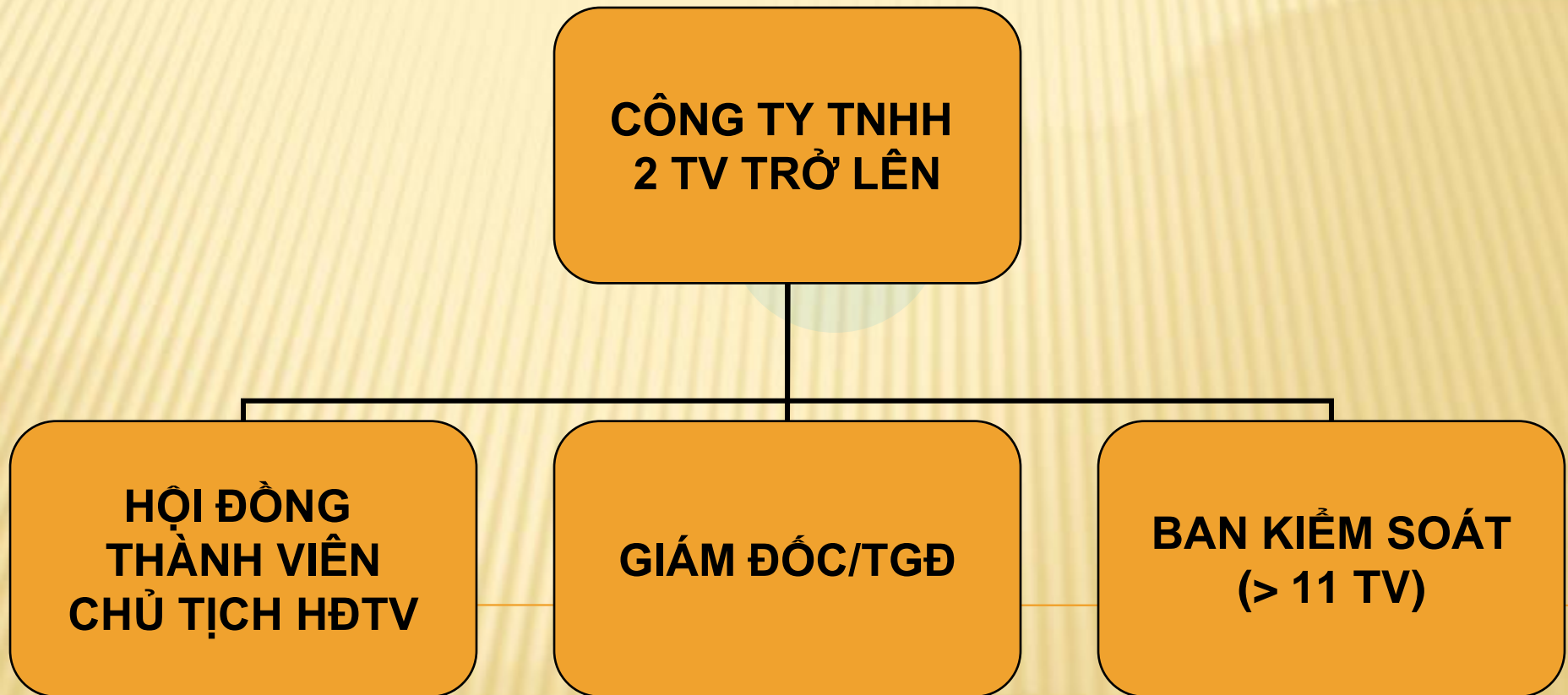
IV. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY TNHH

1. CÔNG TY TNHH 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

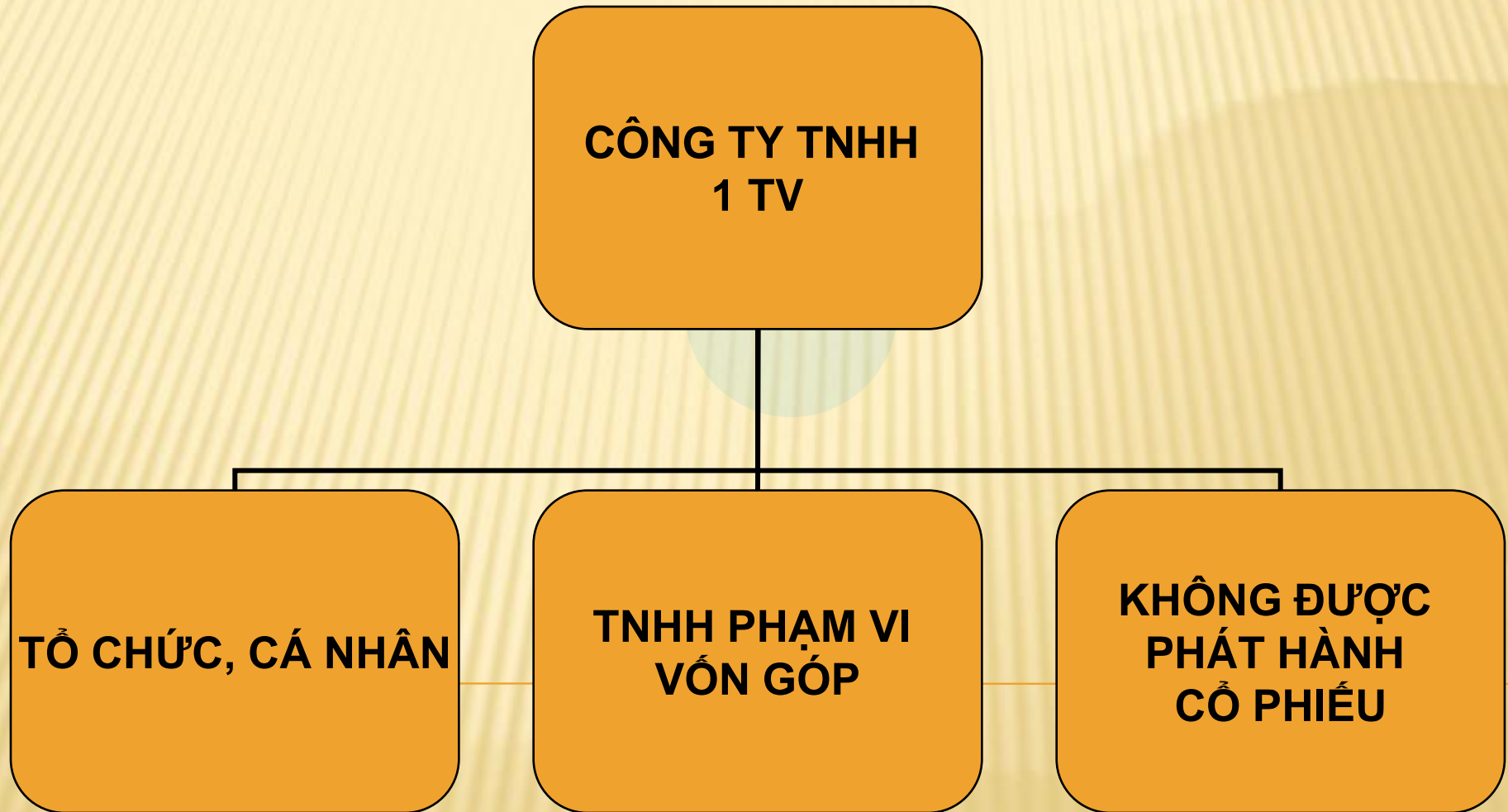


PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu tổ chức quản lý:



2. CÔNG TY TNHH 1 TV



PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

**CÔNG TY TNHH 1TV
(2 ĐẠI DIỆN THEO
ỦY QUYỀN <= 5 NĂM)**

HĐTV

GĐ/TGĐ

KIỂM SOÁT VIÊN

**CÔNG TY TNHH 1TV
(1 ĐẠI DIỆN THEO
ỦY QUYỀN <= 5 NĂM)**

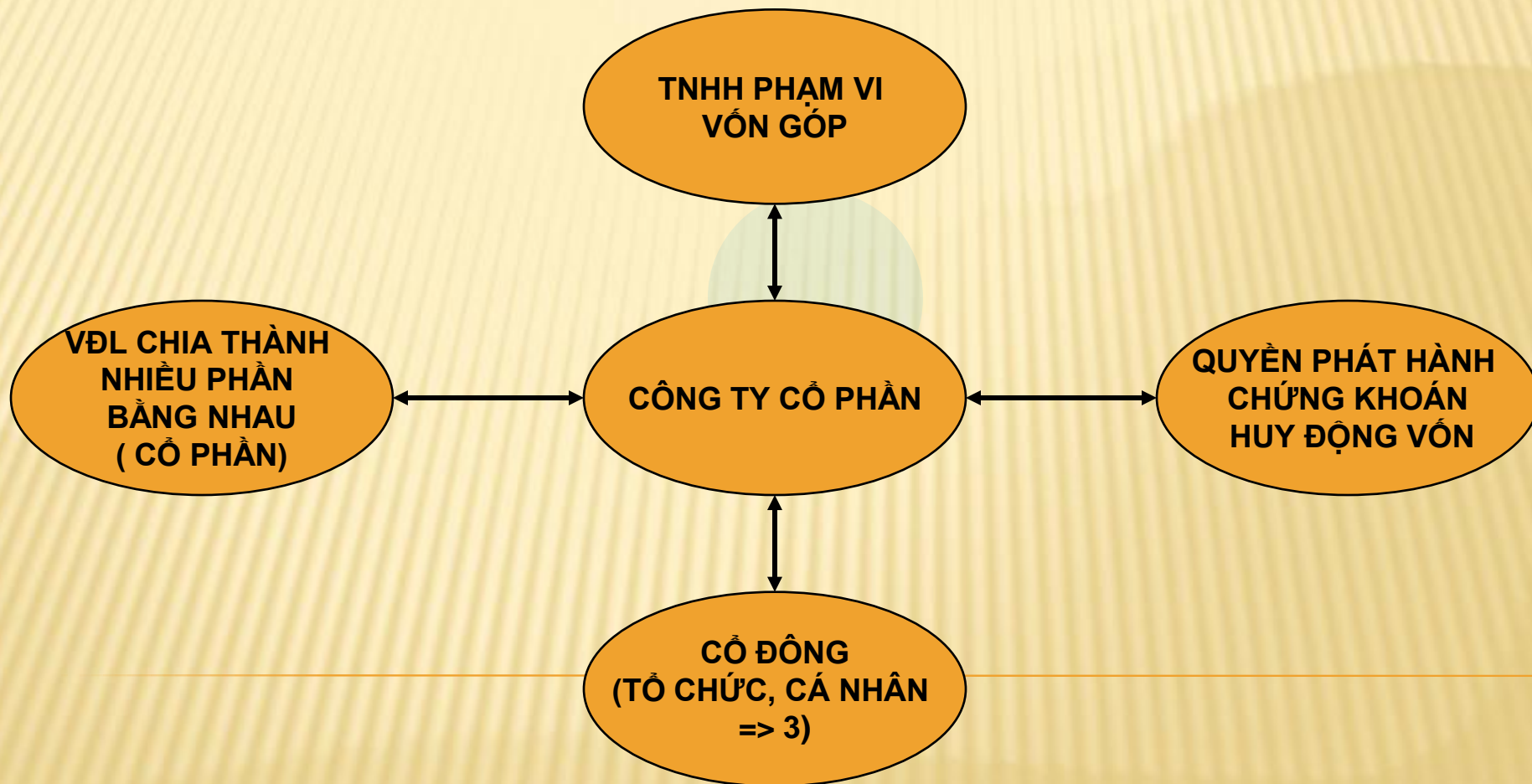
CHỦ TỊCH CÔNG TY

GĐ/TGĐ

KIỂM SOÁT VIÊN

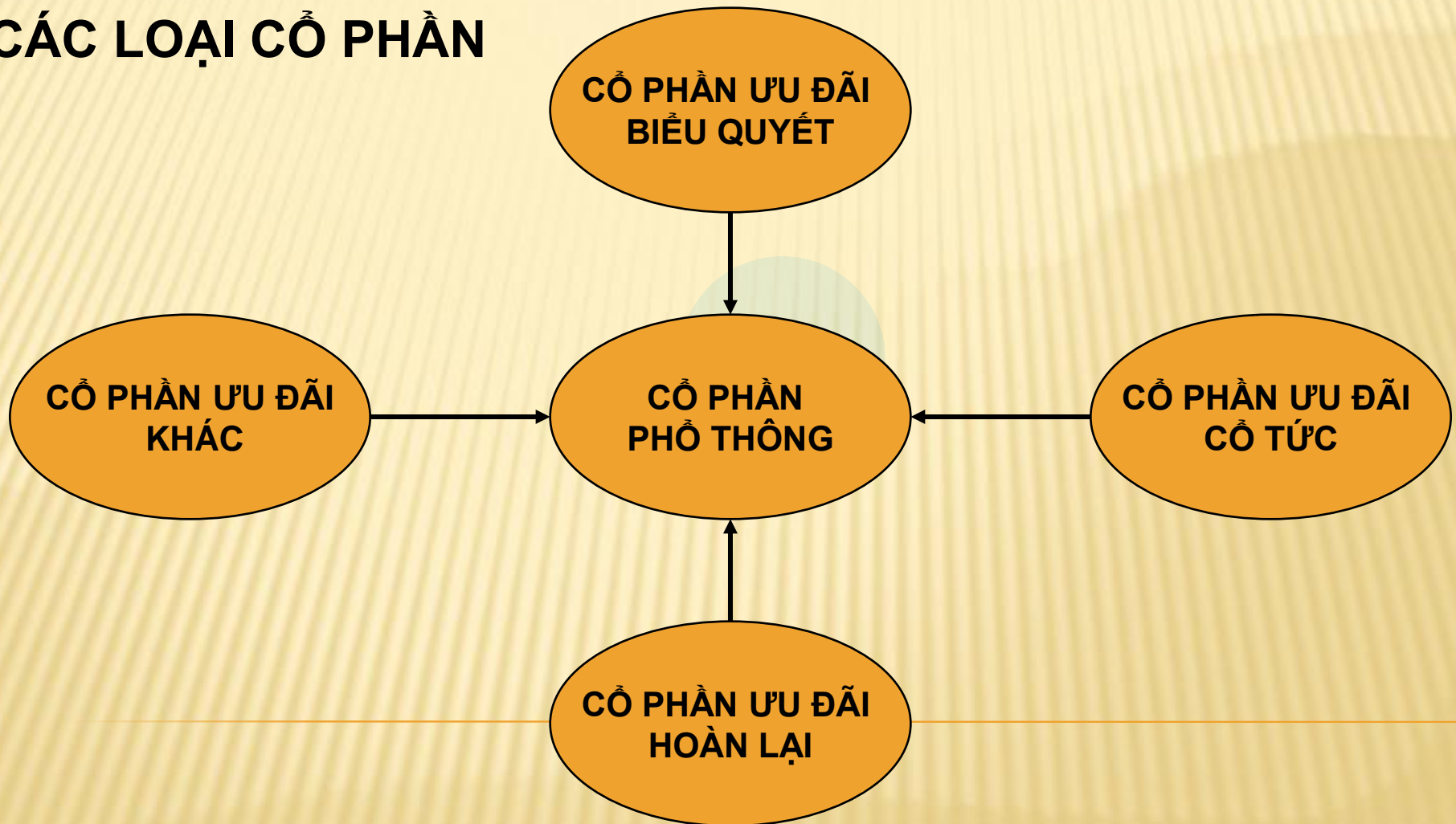
PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

V. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN



PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP

CÁC LOẠI CỔ PHẦN



Tổng quan về Tài chính doanh nghiệp

1.1 Tài chính doanh nghiệp.

1.1.1. Hoạt động của doanh nghiệp và tài chính.

1.1.2. Nội dung Tài chính doanh nghiệp.

1.1.3. Vai trò của tài chính doanh nghiệp.

1.2. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tổ chức tài chính doanh nghiệp.

1.2. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới quản trị Tài chính doanh nghiệp.

1.2.1. Hình thức pháp lý tổ chức doanh nghiệp.

1.2.2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của ngành kinh doanh.

1.2.3. Môi trường kinh doanh.

TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- ✖ **1.1- Tài chính doanh nghiệp**
- ✖ **1.1.1- Hoạt động của doanh nghiệp và Tài chính**
- ✖ - Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng hàng hóa cho người tiêu dùng qua thị trường nhằm mục đích sinh lời.
- ✖ - *Xét về mặt kinh tế*: Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình kết hợp các yếu tố đầu vào tạo thành yếu tố đầu ra là hàng hóa và thông qua thị trường bán các hàng hóa đó để thu lợi nhuận.



1.1. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- ✗ - Trong kinh tế thị trường: +Tiền đề cho các hoạt động của doanh nghiệp → một lượng vốn tiền tệ nhất định.
- ✗ + Bằng cách thức nhất định, doanh nghiệp tạo lập được số vốn hay quỹ tiền tệ ban đầu.
- ✗ - Quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng là quá trình: Tạo lập, phân phối, sử dụng quỹ tiền tệ hoạt động tài chính doanh nghiệp. *Hợp thành*
- Quá trình tạo lập, phân phối, sử dụng quỹ tiền tệ cũng là quá trình phát sinh các dòng tiền:

+ Dòng tiền vào
+ Dòng tiền ra } \Rightarrow Sự vận động của vốn hay quỹ tiền tệ

* Đối với doanh nghiệp sản xuất: T - H ... SX...H'-T'

* Đối với doanh nghiệp thương mại: T - H - T

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ cũng là quá trình phát sinh các quan hệ kinh tế dưới hình thức giá trị

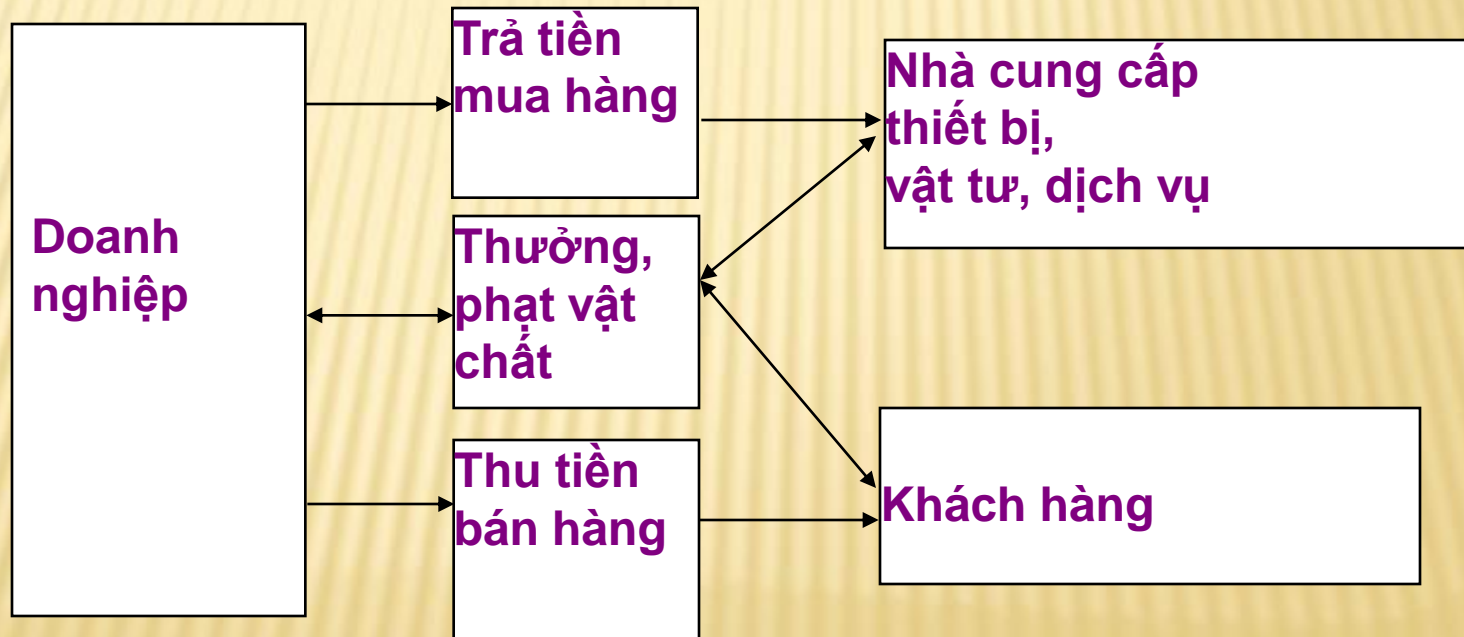
=> Các quan hệ tài chính, bao hàm:

a. Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với Nhà nước.



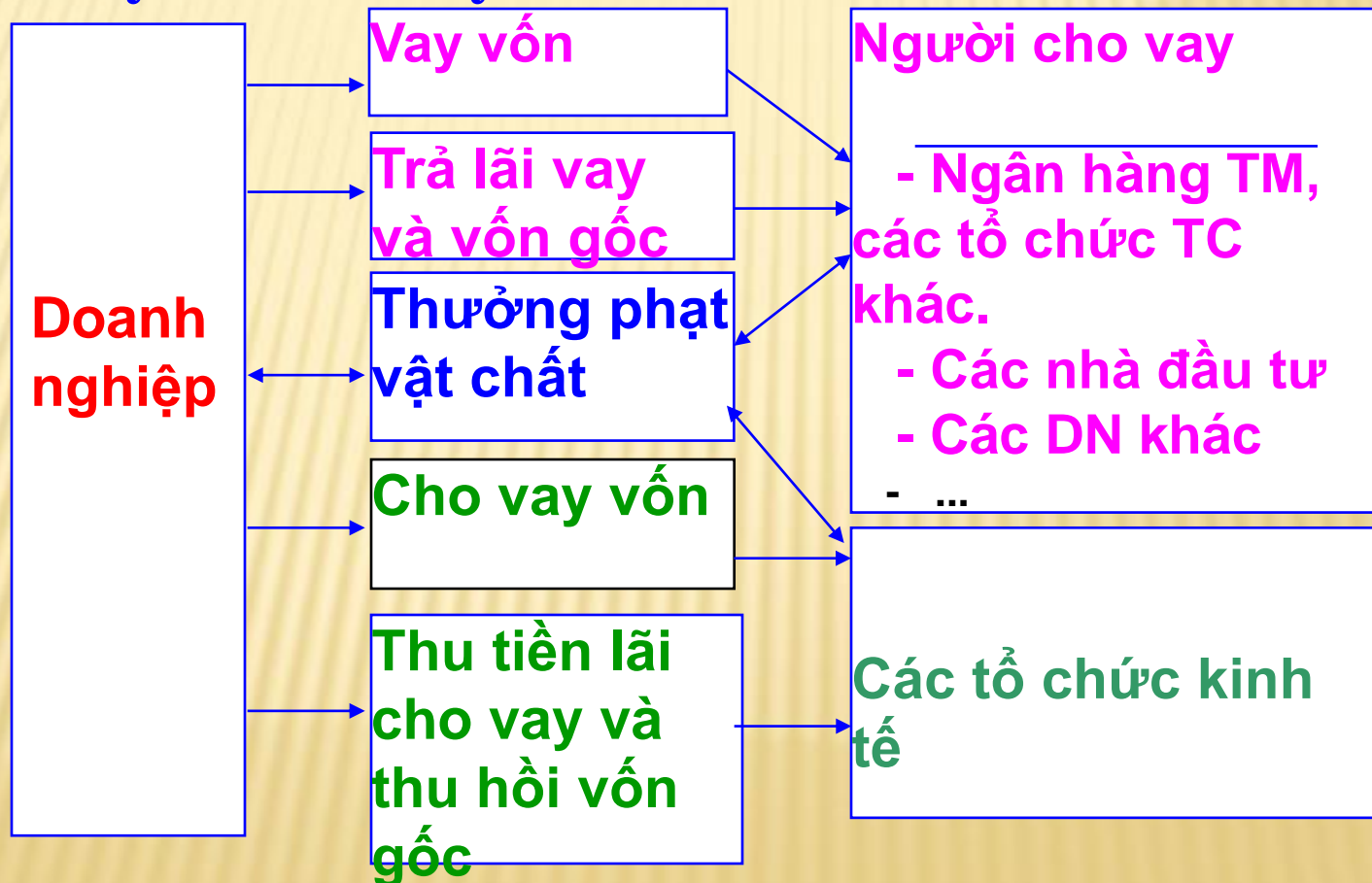
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- ✗ *b. Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với các chủ thể kinh tế khác và các tổ chức xã hội.*
- ✗ - Quan hệ thanh toán và thưởng phạt vật chất trong việc thực hiện cung cấp hành hóa, dịch vụ.



TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- ✖ - Quan hệ thanh toán, thưởng phạt vật chất trong việc vay và cho vay.



TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Quan hệ thanh toán, trong việc doanh nghiệp đầu tư vốn vào doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế khác.

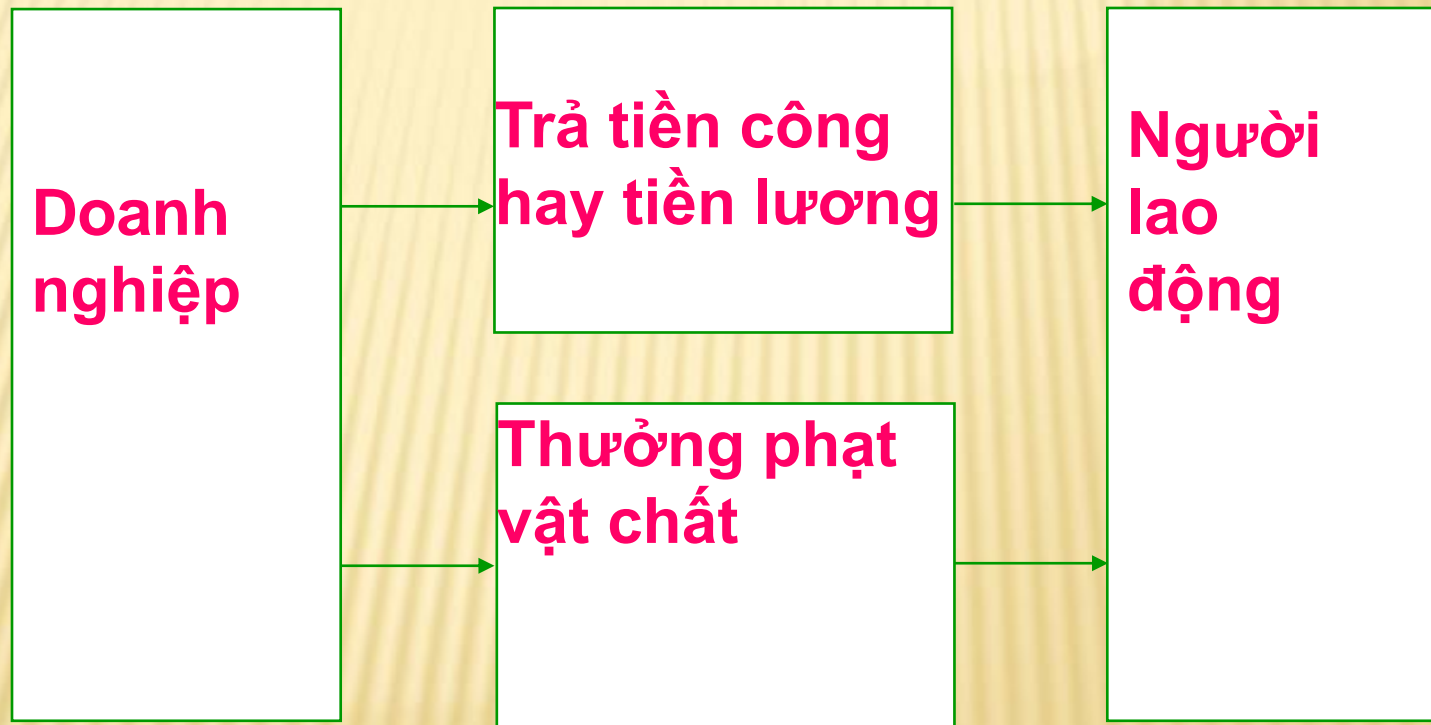


- Quan hệ tài chính của doanh nghiệp với các tổ chức xã hội.



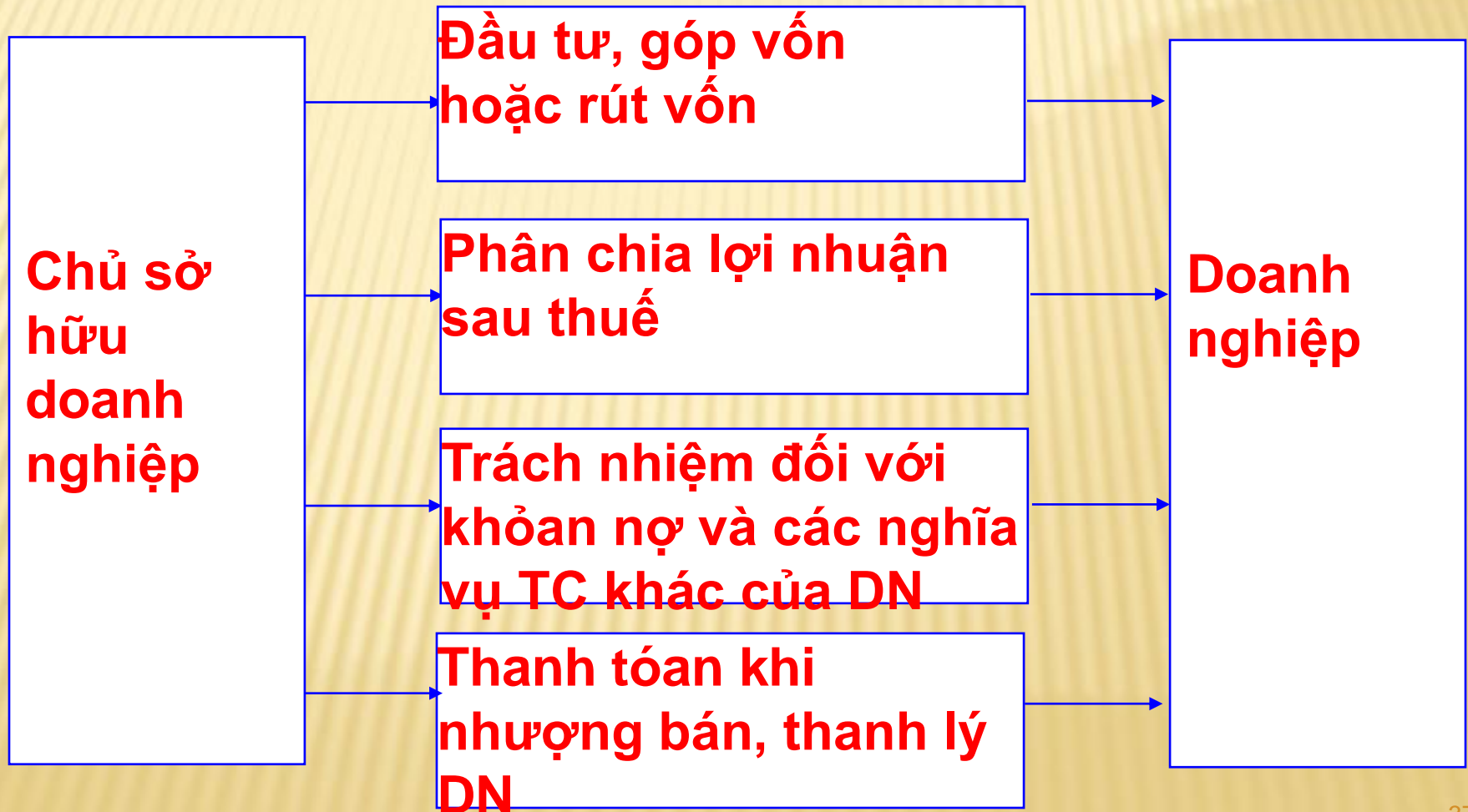
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- ✗ C. Quan hệ tài chính giữa DN và người lao động trong doanh nghiệp.



TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

d. Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.



TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- ✖ - *Rút ra*
- ✖ - *Về hình thức: Tài chính doanh nghiệp là quỹ tiền tệ trong quá trình vận động: Tạo lập, phân phối, chuyển hóa hình thái và sử dụng quỹ tiền tệ phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.*
- ✖ - *Về nội dung: Tài chính doanh nghiệp là các quan hệ kinh tế dưới hình thức giá trị gắn liền với việc tạo lập, phân phối, chuyển hóa hình thái và sử dụng quỹ tiền tệ phát sinh trong các hoạt động của doanh nghiệp.*

1.1.2 NỘI DUNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Các quyết định tài chính
có tính chất chiến lược

```
graph TD; A[Các quyết định tài chính có tính chất chiến lược] --> B[Quyết định Đầu tư]; A --> C[Quyết định Tài trợ hay Huy động vốn]; A --> D[Quyết định phân phối LN sau thuế (Chính sách cổ tức đối với công ty cổ phần)];
```

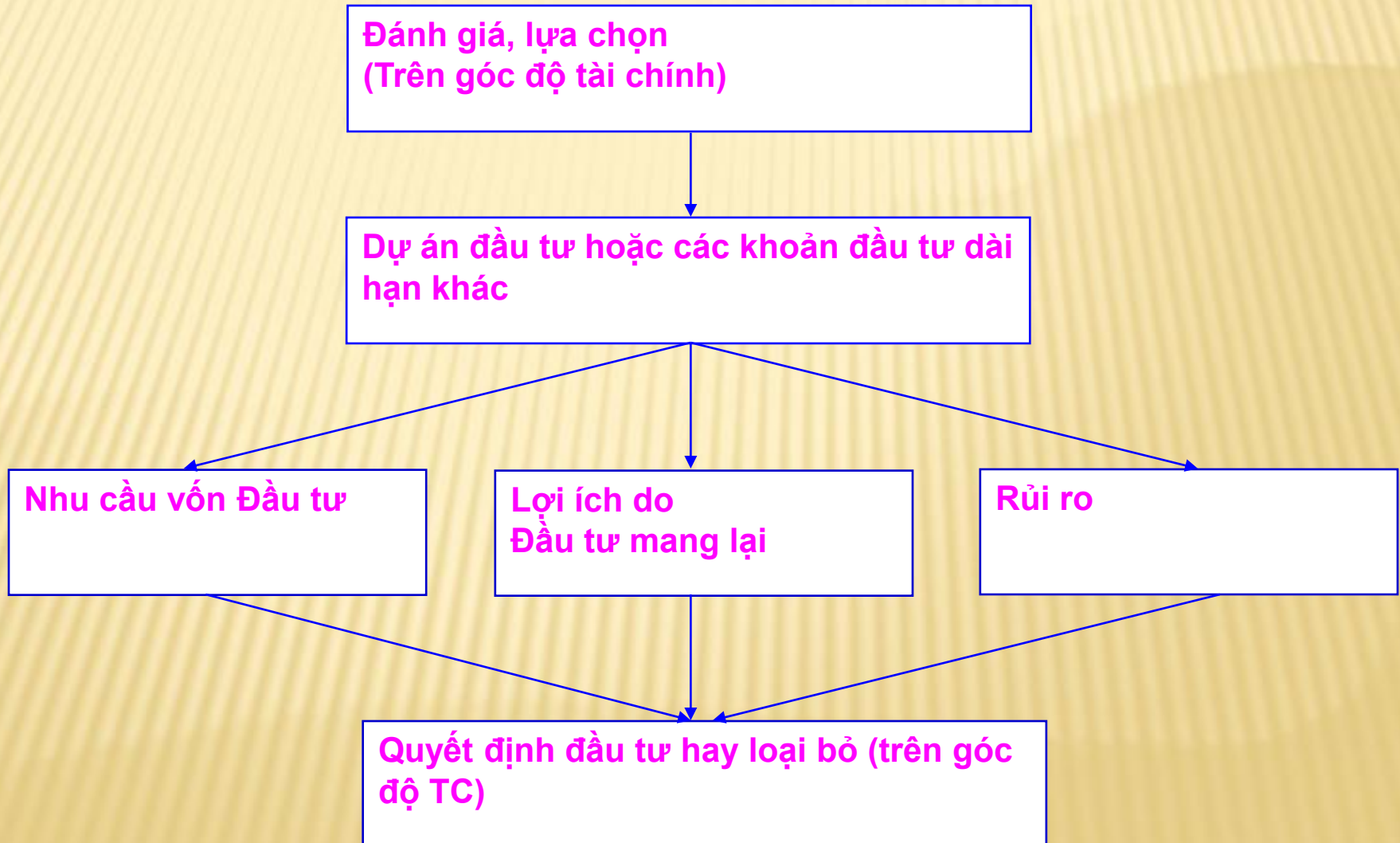
Quyết định
Đầu tư

Quyết định
Tài trợ hay
Huy động vốn

Quyết định phân phối
LN sau thuế (Chính
sách cổ tức đối với
công ty cổ phần)

1.1.2. NỘI DUNG TCDN

a. Lựa chọn và quyết định đầu tư.



1.1.2. NỘI DUNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

b. Xác định nhu cầu vốn, tổ chức huy động vốn đáp ứng kịp thời, đầy đủ cho các hoạt động của doanh nghiệp.



1.1.2. NỘI DUNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

c. Tổ chức sử dụng có hiệu quả số vốn hiện có; quản lý chặt chẽ thu, chi vốn bằng tiền, thường xuyên đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp.



1.1.2. NỘI DUNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

d. Thực hiện tốt việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của DN



1.1.2. NỘI DUNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

✖ e- kiểm soát thường xuyên tình hình hoạt động của DN



1.1.2. NỘI DUNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

g. Thực hiện dự báo và kế hoạch hoá tài chính



1.1.3. VAI TRÒ CỦA TCDN

- ✗ **a. Huy động vốn đảm bảo cho các hoạt động của doanh nghiệp diễn ra bình thường và liên tục.**
- ✗ **b. Tổ chức sử dụng vốn kinh doanh tiết kiệm và hiệu quả**
- ✗ **c. Giám sát, kiểm soát thường xuyên, chặt chẽ các mặt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.**

1.2. NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH DN

1.2.1. Hình thức pháp lý tổ chức doanh nghiệp



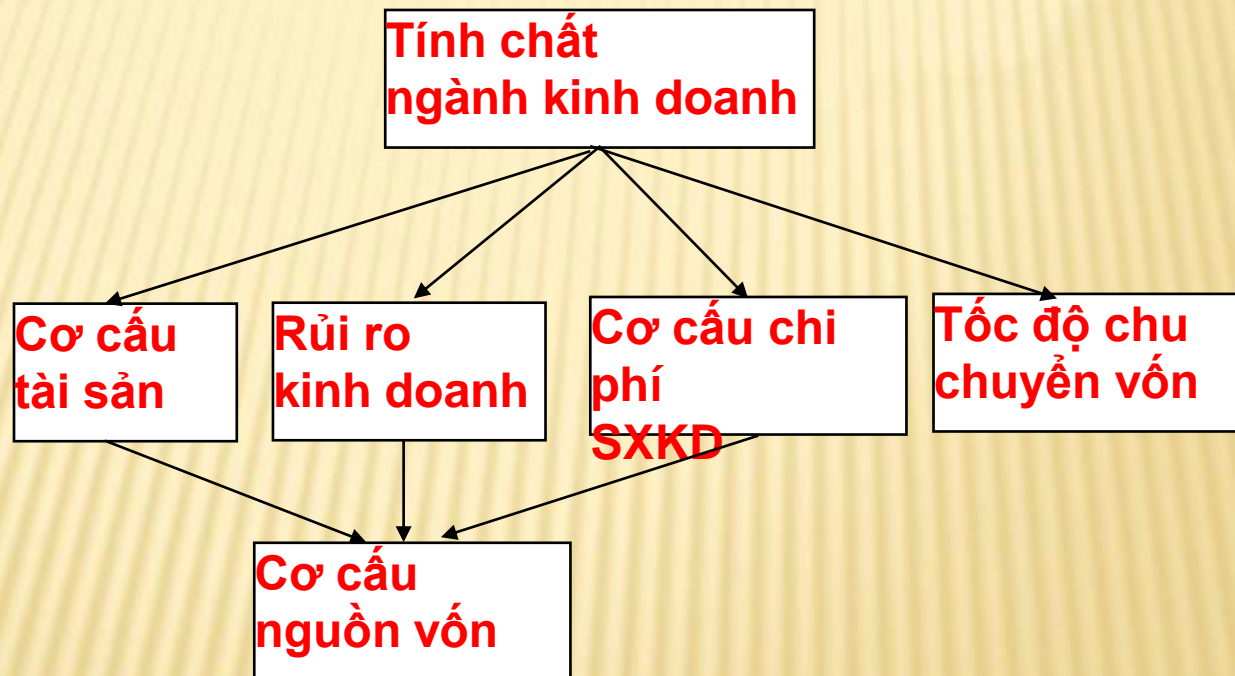
1.2. NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG TỚI TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.2.2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của ngành kinh doanh.

- Mỗi ngành kinh doanh có đặc điểm riêng về mặt kinh tế và kỹ thuật.**
- Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật ảnh hưởng rất lớn đến tài chính và quản trị tài chính của doanh nghiệp.**

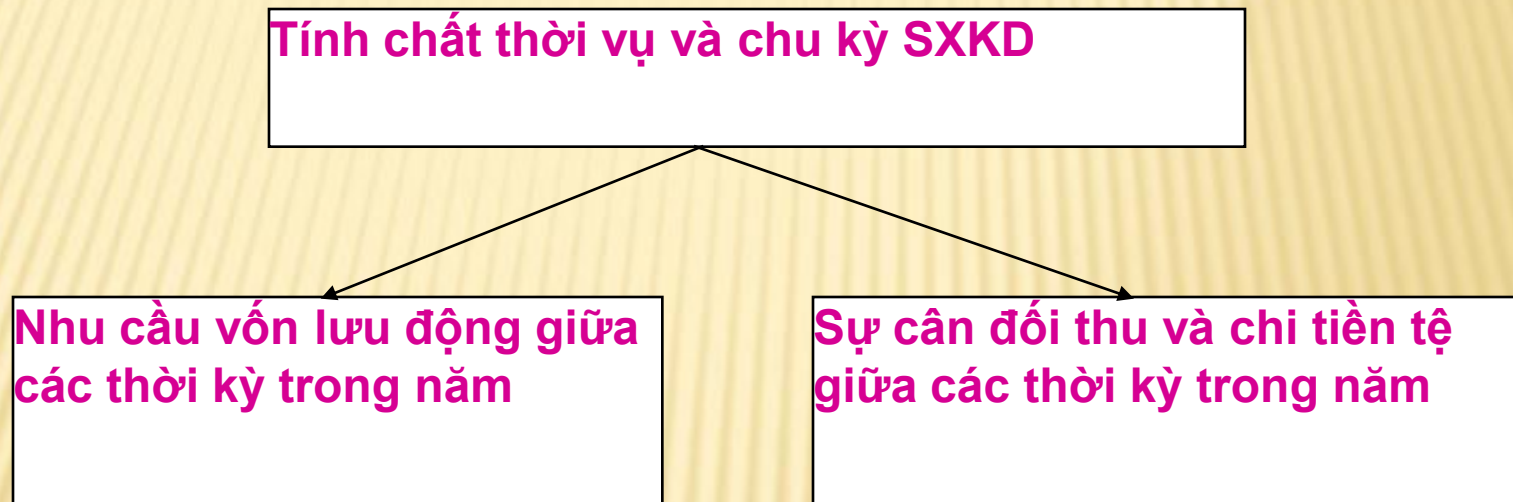
1.2.2. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA NGÀNH KINH DOANH

✖ a. Ảnh hưởng của tính chất ngành kinh doanh



1.2.2. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA NGÀNH KINH DOANH

✗ b. Ảnh hưởng của tính chất thời vụ và chu kỳ sản xuất kinh doanh



✕ 1.2. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tài chính doanh nghiệp

✕ 1.2.3. Môi trường kinh doanh

- Doanh nghiệp tồn tại trong một môi trường kinh doanh nhất định.
- Môi trường kinh doanh đưa lại cho doanh nghiệp: Những tác động tích cực hay tác động tiêu cực



Những môi trường chủ yếu nào hợp thành môi trường kinh doanh của doanh nghiệp?

1.2.3. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

× Các môi trường chủ yếu hợp thành môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp:

- | | |
|--|---|
| 1. Môi trường kinh tế - tài chính | 5. Môi trường công nghệ và thông tin |
| 2. Môi trường pháp lý | 6. Môi trường chính trị |
| 3. Môi trường văn hoá | 7. Môi trường sinh thái |
| 4. Môi trường xã hội | 8. Môi trường quốc tế |
| | V.V.V. |

1.2.3. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Ảnh hưởng của môi trường kinh tế - tài chính đến tài chính và quản trị tài chính của doanh nghiệp.

- ✗ - Cơ sở hạ tầng của nền kinh tế
- ✗ - Tình trạng của nền kinh tế
- ✗ - Lãi suất thị trường
- ✗ - Lạm phát

- Chính sách kinh tế và tài chính của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Mức độ cạnh tranh

- Thị trường tài chính và hệ thống các trung gian tài chính